TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2019/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 27 tháng 5 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Dương Vũ Q1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu Cát Thành, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Bùi Trung N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu Cát Thành, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con số: 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2019 người yêu cầu: Anh Dương Vũ Q1 và chị Bùi Trung N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Công văn số: 310/TANDTC-CP của Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/10/2018, hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, kH kiện hành chính tại Tòa án nhân dân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Vũ Q1 và chị Bùi Trung N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 05/11/1986. Đến năm 1993 thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại khu Cát Thành, phường MT, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; việc kết hôn của anh Q1 và chị N là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Q1 và chị N sống hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm nhau.

Nay anh Q1 và chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Anh Q1 và chị N cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc anh Q1 và chị N thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Q1 và chị N có 03 (ba) con chung là Dương Trung H , sinh ngày 21/8/1987, Dương Thu H1 , sinh ngày 04/11/1990 và Dương Thu T , sinh ngày 04/11/1990. (các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên anh Q1 và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ: Anh Q1 và chị N đều xác định vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thỏa thuận với nhau và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: anh Dương Vũ Q1 tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn và các vấn đề khác do Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã Q lập ngày 17 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Vũ Q1 và chị Bùi Trung N.

2. Về lệ phí: Anh Dương Vũ Q1 tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0003353 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Anh Q1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã Q;*
- *Chi cục THADS thị xã Q;*
- *UBND thị trấn Ba Chẽ;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Điền